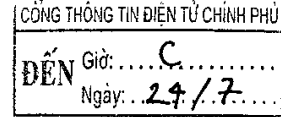


BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 99 /2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2015



VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh

Giữ ... C ... ngày ... 23/7 ...

Kính chuyển: ... TT/BTC ...

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 2 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh (sau đây gọi tắt là trái phiếu được bảo lãnh) tại thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này gồm doanh nghiệp, ngân hàng chính sách của nhà nước và tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng thực hiện việc phát hành trái phiếu được bảo lãnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

Điều 2. Chủ thể phát hành

Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh là doanh nghiệp, các ngân hàng chính sách của nhà nước và các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng (sau đây gọi chung là chủ thể phát hành) thuộc đối tượng được cấp bảo lãnh Chính phủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 01/2011/NĐ-CP).

Điều 3. Mục đích phát hành

Trái phiếu được bảo lãnh được phát hành để đầu tư cho các chương trình, dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP.

Điều 4. Điều kiện phát hành

1. Đối với các doanh nghiệp

a) Phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP khi phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước.

b) Phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện hành trái phiếu được bảo lãnh quy định tại Điều 40 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP khi phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

2. Đối với các ngân hàng chính sách phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước

a) Phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP.

b) Khối lượng phát hành trái phiếu được bảo lãnh phải thuộc hạn mức bảo lãnh Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong từng thời kỳ.

3. Đối với các tổ chức tài chính, tín dụng thực hiện chương trình tín dụng có mục tiêu của Nhà nước

a) Phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh quy định Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường trong nước để thực hiện chương trình tín dụng có mục tiêu của Nhà nước theo từng quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với từng chương trình, dự án.

Điều 5. Điều kiện và điều khoản của trái phiếu được bảo lãnh

Ngoài các điều kiện và điều khoản quy định tại Điều 6 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh còn phải tuân thủ các quy định sau:

1. Khối lượng phát hành

Khối lượng phát hành từng đợt do chủ thể phát hành quyết định nhưng tổng khối lượng lũy kế phát hành không được vượt quá hạn mức bảo lãnh phát

hành trái phiếu được bảo lãnh trong từng thời kỳ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư này.

2. Lãi suất phát hành

a) Lãi suất phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường trong nước do chủ thể phát hành quyết định cho từng đợt phát hành nhưng không được vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính thông báo cho từng đợt phát hành hoặc trong từng thời kỳ.

b) Lãi suất phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường quốc tế do chủ thể phát hành quyết định cho từng đợt phát hành căn cứ vào Đề án phát hành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tình hình thị trường tại thời điểm phát hành.

Điều 6. Phát hành bổ sung, mua lại và hoán đổi trái phiếu được bảo lãnh

1. Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh có thể phát hành bổ sung đối với trái phiếu phát hành tại thị trường trong nước:

a) Căn cứ vào nhu cầu quản lý dòng tiền, chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh có thể xem xét phát hành bổ sung đối với trái phiếu được bảo lãnh đã phát hành. Việc phát hành trái phiếu bổ sung phải tuân thủ các điều kiện về khối lượng phát hành và lãi suất phát hành quy định tại Điều 5 Thông tư này. Riêng đối với các ngân hàng chính sách, khối lượng phát hành trái phiếu bổ sung phải đảm bảo thuộc hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong năm phát hành bổ sung.

b) Thời điểm phát hành trái phiếu bổ sung phải đảm bảo trong khoảng thời gian hai (02) năm kể từ ngày phát hành trái phiếu lần đầu và có kỳ hạn còn lại tại thời điểm phát hành bổ sung ít nhất từ một (01) năm trở lên.

2. Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh có thể mua lại trái phiếu trước hạn để giảm nghĩa vụ nợ hoặc cơ cấu lại nợ theo Đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Việc mua lại trái phiếu được bảo lãnh phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Có phương án mua lại trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cấp phê duyệt phương án phát hành đồng thời là cấp phê duyệt phương án mua lại trái phiếu.

b) Công khai, minh bạch và hiệu quả.

3. Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh thực hiện hoán đổi trái phiếu để cơ cấu lại nợ. Việc hoán đổi trái phiếu phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Có phương án hoán đổi trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cấp phê duyệt phương án phát hành đồng thời là cấp phê duyệt phương án hoán đổi trái phiếu.

b) Phương án hoán đổi trái phiếu được bảo lãnh phải được Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến chấp thuận bằng văn bản trước khi tổ chức thực hiện.

c) Công khai, minh bạch và hiệu quả.

4. Chủ thể phát hành được áp dụng các phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi của trái phiếu Chính phủ để thực hiện mua lại, hoán đổi trái phiếu được bảo lãnh.

5. Chủ thể phát hành chịu trách nhiệm về hiệu quả của việc mua lại, hoán đổi trái phiếu được bảo lãnh và có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐƯỢC BẢO LÃNH

Mục 1

TRÁI PHIẾU ĐƯỢC BẢO LÃNH DO DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh

1. Đối với phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường trong nước

a) Văn bản đề nghị phát hành trái phiếu được bảo lãnh của chủ thể phát hành theo mẫu tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này.

b) Đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Ngoài các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh phải bổ sung thêm các nội dung sau:

- Thông tin về chương trình, dự án đầu tư và tình hình triển khai thực hiện, bao gồm: quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền; tổng mức đầu tư; lĩnh vực đầu tư thuộc danh mục các dự án, chương trình được xem xét cấp bảo lãnh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ; kế hoạch và tiến độ đầu tư; các nguồn vốn thực hiện, trong đó có nguồn vốn trái phiếu được bảo lãnh và tình hình thực hiện chương trình, dự án đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Dự kiến kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh: tổng khối lượng phát hành được chia theo kỳ hạn trái phiếu và thời điểm phát hành trên cơ sở tiến độ triển khai và giải ngân của chương trình, dự án. Trường hợp việc phát hành dự kiến được chia thành nhiều đợt hành phát trong nhiều năm thì kế hoạch phát hành phải được xây dựng cụ thể cho từng năm.

c) Báo cáo tài chính năm của ba (03) năm liền kề trước năm đề nghị phát hành trái phiếu được bảo lãnh đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị phát hành trái phiếu được bảo lãnh trước ngày 1 tháng 4 hàng năm thì phải có báo cáo tài chính theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị định 90/2011/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

d) Văn bản phê duyệt và chấp thuận đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

đ) Các văn bản khác chứng minh doanh nghiệp đủ điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, bao gồm:

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.

- Các văn bản chứng minh chương trình, dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

- Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có tối thiểu 20% vốn chủ sở hữu đầu tư vào chương trình, dự án.

- Các văn bản khác theo quy định của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

2. Đối với phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường quốc tế

a) Văn bản đề nghị phát hành trái phiếu được bảo lãnh của chủ thể phát hành theo mẫu tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này.

b) Đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Ngoài các nội dung quy định tại Điều 41 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, đề án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế phải bổ sung thêm các nội dung quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

c) Các hồ sơ quy định tại các điểm c, d Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP và các điểm c, d, đ Khoản 1 Điều này.

Điều 8. Quy trình, thủ tục phê duyệt cấp bảo lãnh

1. Doanh nghiệp gửi một (01) bộ hồ sơ quy định tại Điều 7 Thông tư này tới Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và đề nghị bổ sung hồ sơ (nếu có). Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, Bộ Tài chính thông báo để doanh nghiệp nộp bổ sung năm (05) bộ hồ sơ để làm thủ tục xem xét có ý kiến đối với đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

2. Trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xem xét, có ý kiến đối với đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Nội dung xem xét bao gồm:

a) Đối tượng và điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Thông tư này.

b) Phương án tài chính của chương trình, dự án và phương án phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

c) Phương án sử dụng và quản lý nguồn vốn phát hành trái phiếu được bảo lãnh, phương án bố trí nguồn vốn thanh toán gốc, lãi trái phiếu được bảo lãnh.

d) Năng lực và tình hình tài chính của doanh nghiệp bao gồm: vốn chủ sở hữu, nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ, lợi nhuận.

đ) Hạn mức bảo lãnh Chính phủ hàng năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương cấp bảo lãnh và hạn mức bảo lãnh. Trường hợp doanh nghiệp không đủ điều kiện được Chính phủ cấp bảo lãnh, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu lý do.

4. Đối với trái phiếu được bảo lãnh phát hành tại thị trường trong nước, sau khi có văn bản phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương cấp bảo lãnh và hạn mức bảo lãnh, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp hạn mức tối đa được phép phát hành trái phiếu có bảo lãnh để triển khai thực hiện theo quy định tại Thông tư này. Đối với trái phiếu được bảo lãnh phát hành tại thị trường quốc tế, sau khi có văn bản phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương và hạn mức bảo lãnh, quy trình cấp bảo lãnh thực hiện theo quy định của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

Mục 2

TRÁI PHIẾU ĐƯỢC BẢO LÃNH DO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH PHÁT HÀNH TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh

Căn cứ vào chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng hàng năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các ngân hàng chính sách xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng vốn thực hiện chương trình tín dụng có mục tiêu của nhà nước cho năm kế hoạch, trong đó có nguồn vốn phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường trong nước, gửi Bộ Tài chính xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hạn mức cấp bảo lãnh Chính phủ. Hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh bao gồm:

1. Văn bản đề nghị phát hành trái phiếu được bảo lãnh của chủ thể phát hành theo mẫu tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này.

2. Đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Ngoài các nội dung cơ bản quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh phải bao gồm các nội dung sau:

a) Tình hình huy động và sử dụng vốn thực hiện các chương trình tín dụng có mục tiêu của nhà nước trong từng năm của ba (03) năm liền kề trước năm kế hoạch, trong đó nêu rõ:

- Tổng nguồn vốn huy động trong từng năm phân theo từng loại nguồn vốn, trong đó bao gồm: nguồn vốn từ phát hành trái phiếu được bảo lãnh và từ các nguồn huy động khác; nguồn vốn từ thu hồi cho vay; nguồn vốn gởi đầu năm liền kề trước chuyển sang.

- Tình hình sử dụng vốn trong từng năm, trong đó bao gồm: trả nợ gốc vốn huy động đến hạn (trong đó có chi trả nợ gốc trái phiếu được bảo lãnh); thực hiện các chương trình tín dụng có mục tiêu (dư nợ đầu năm, cho vay mới trong năm, thu hồi cho vay trong năm, và dư nợ cuối năm); nguồn vốn chuyển sang năm sau.

b) Tình hình hoạt động và tình hình tài chính của ngân hàng chính sách trong ba (03) năm liền kề trước năm kế hoạch, bao gồm vốn chủ sở hữu, tổng tài sản, tổng nguồn vốn huy động, tổng thu, tổng chi, chênh lệch thu – chi và tình hình cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý của Nhà nước cho ngân hàng chính sách.

c) Tình hình phát hành, thanh toán nợ gốc, nợ lãi và dư nợ trái phiếu được bảo lãnh trong ba (03) năm liền kề trước năm kế hoạch.

d) Nhu cầu huy động và sử dụng vốn thực hiện chương trình tín dụng có mục tiêu trong năm kế hoạch, cụ thể:

- Tổng nguồn vốn huy động của năm kế hoạch phân theo từng loại nguồn vốn, trong đó bao gồm: nguồn vốn từ phát hành trái phiếu được bảo lãnh và từ các nguồn huy động khác; nguồn vốn từ thu hồi cho vay; nguồn vốn gối đầu năm liền kề trước chuyển sang.

- Nhu cầu sử dụng vốn trong năm kế hoạch, trong đó bao gồm: trả nợ gốc vốn huy động đến hạn trong đó có chi trả nợ gốc trái phiếu được bảo lãnh; thực hiện các chương trình tín dụng có mục tiêu; nguồn vốn gối đầu chuyển sang năm sau.

d) Kế hoạch huy động, trả nợ gốc, nợ lãi trái phiếu được bảo lãnh chia theo từng quý trong năm kế hoạch.

3. Báo cáo tài chính của hai (02) năm trước năm liền kề năm kế hoạch đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước và báo cáo tình hình triển khai thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (nếu có).

4. Văn bản của Hội đồng quản lý hoặc Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch tài chính – tín dụng của năm kế hoạch, trong đó có nguồn vốn từ phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

5. Các văn bản khác chứng minh đủ điều kiện phát hành

a) Kế hoạch tăng trưởng tín dụng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các chương trình tín dụng mục tiêu khác của Nhà nước (nếu chương trình này chưa thuộc kế hoạch tăng trưởng tín dụng đã được phê duyệt).

Điều 10. Quy trình, thủ tục phê duyệt cấp bảo lãnh

1. Chậm nhất mười (10) ngày làm việc sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng hàng năm, các ngân hàng chính sách gửi một (01) bộ hồ sơ quy định tại Điều 9 Thông tư này đến Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ và đề nghị bổ sung hồ sơ (nếu có). Trường hợp hồ sơ đã

đầy đủ, Bộ Tài chính thông báo để các ngân hàng chính sách nộp bổ sung hai (02) bộ hồ sơ để xem xét có ý kiến.

2. Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến đối với kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh hàng năm của các ngân hàng chính sách để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nội dung trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm:

- a) Điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh.
- b) Tình hình hoạt động và tình hình tài chính của các ngân hàng chính sách.
- c) Nguồn vốn thực hiện chương trình tín dụng mục tiêu và kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh.
- d) Phương án sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu được bảo lãnh.
- đ) Đề xuất hạn mức bảo lãnh Chính phủ năm kế hoạch cho các ngân hàng chính sách để thực hiện chương trình tín dụng mục tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Trong thời gian Thủ tướng Chính phủ chưa có văn bản phê duyệt hạn mức phát hành trái phiếu được bảo lãnh hàng năm cho các ngân hàng chính sách, Bộ Tài chính thông báo hạn mức phát hành tạm thời trong quý I của năm kế hoạch cho các ngân hàng chính sách với giá trị tối đa không vượt quá số nợ gốc trái phiếu được bảo lãnh đến hạn trong quý I năm kế hoạch và hạn mức bảo lãnh của năm kế hoạch dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ. Thời gian thông báo là trước ngày 31 tháng 12 của năm liền kề trước năm kế hoạch. Sau khi có văn bản phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương cấp bảo lãnh và hạn mức bảo lãnh, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho các ngân hàng chính sách hạn mức tối đa được phép phát hành trái phiếu được bảo lãnh trong năm kế hoạch để triển khai thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐƯỢC BẢO LÃNH TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Điều 11. Đăng ký kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh

1. Đối với doanh nghiệp

a) Trên cơ sở thông báo của Bộ Tài chính tại Khoản 4 Điều 8 Thông tư này, doanh nghiệp đăng ký kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh với Bộ Tài chính để xem xét, chấp thuận trước khi tổ chức phát hành.

- Trường hợp đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh quy định chỉ phát hành một đợt duy nhất, doanh nghiệp làm thủ tục đăng ký phát hành với Bộ Tài chính chậm nhất là ba mươi (30) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức phát

hành trái phiếu để Bộ Tài chính thông báo khung lãi suất phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

- Trường hợp đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh quy định nhiều đợt phát hành trong một năm hoặc nhiều đợt phát hành tại các năm khác nhau, trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, doanh nghiệp phải đăng ký kế hoạch phát hành của năm tiếp theo, trong đó chi tiết dự kiến thời điểm phát hành, khối lượng phát hành, kỳ hạn phát hành của từng đợt phát hành. Doanh nghiệp làm thủ tục đăng ký phát hành với Bộ Tài chính chậm nhất mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức phát hành trái phiếu được bảo lãnh, để Bộ Tài chính thông báo khung lãi suất phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

b) Căn cứ kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh đã đăng ký với Bộ Tài chính, tình hình triển khai dự án, tình hình thị trường, và thông báo khung lãi suất phát hành trái phiếu được bảo lãnh, doanh nghiệp tổ chức phát hành theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với các ngân hàng chính sách

a) Trên cơ sở thông báo của Bộ Tài chính về hạn mức tối đa được phép phát hành trái phiếu được bảo lãnh quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư này, căn cứ vào kế hoạch giải ngân của các chương trình tín dụng mục tiêu, kế hoạch trả nợ trái phiếu được bảo lãnh đến hạn, các ngân hàng chính sách có văn bản gửi Bộ Tài chính về kế hoạch phát hành của năm chia theo từng quý. Trường hợp có ý kiến khác đối với kế hoạch phát hành của các ngân hàng, Bộ Tài chính có ý kiến thông báo bằng văn bản.

b) Căn cứ kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh của năm chia theo từng quý, các ngân hàng chính sách chủ động tổ chức phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo nguyên tắc:

- Trường hợp khối lượng phát hành thực tế trong quý thấp hơn hạn mức phát hành quý đã thông báo với Bộ Tài chính thì phần còn lại được chuyển sang quý liền kề.

- Trường hợp điều chỉnh tăng kế hoạch quý, các ngân hàng có thông báo bằng văn bản gửi Bộ Tài chính mười (10) ngày làm việc trước khi dự kiến tổ chức thực hiện.

Điều 12. Các phương thức phát hành trái phiếu

1. Đối với doanh nghiệp

a) Phương thức phát hành trái phiếu được bảo lãnh đối với doanh nghiệp được thực hiện theo đề án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các phương thức sau:

- Đấu thầu phát hành;
- Bảo lãnh phát hành;
- Đại lý;
- Bán lẻ (đối với doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng).

b) Doanh nghiệp tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra công chúng phải tuân theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Đối với các ngân hàng chính sách

a) Phương thức phát hành bao gồm:

- Đấu thầu phát hành trái phiếu qua Sở Giao dịch Chứng khoán;

- Đại lý phát hành.

b) Các ngân hàng chính sách được áp dụng các quy trình, thủ tục về phát hành trái phiếu Chính phủ theo phương thức đấu thầu và phương thức đại lý để phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

Điều 13. Đăng ký, lưu ký và niêm yết trái phiếu

1. Trái phiếu được bảo lãnh đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Quy trình đăng ký, lưu ký và niêm yết của trái phiếu được bảo lãnh áp dụng như quy trình đăng ký, lưu ký và niêm yết của trái phiếu Chính phủ và hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán.

Chương IV

SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU ĐƯỢC BẢO LÃNH, THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, PHÍ PHÁT HÀNH, PHÍ THANH TOÁN VÀ PHÍ BẢO LÃNH

Điều 14. Sử dụng vốn trái phiếu được bảo lãnh

1. Đối với doanh nghiệp, có trách nhiệm sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu được bảo lãnh đúng mục đích và có hiệu quả theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp bảo lãnh.

2. Đối với các ngân hàng chính sách, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu được bảo lãnh hòa đồng vào nguồn vốn hoạt động của ngân hàng và được sử dụng theo quy định tại quy chế quản lý tài chính của các ngân hàng.

Điều 15. Thanh toán gốc, lãi trái phiếu được bảo lãnh

Chủ thể phát hành có trách nhiệm thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn theo quy định tại Điều 23, Điều 45 Nghị định 01/2011/NĐ-CP .

Điều 16. Chế độ kế toán

Chủ thể phát hành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chế độ kế toán hiện hành.

Điều 17. Phí phát hành trái phiếu được bảo lãnh và phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu được bảo lãnh

1. Phí phát hành trái phiếu được bảo lãnh

a) Đối với doanh nghiệp

Phí đấu thầu, phí bảo lãnh và phí đại lý phát hành trái phiếu được bảo lãnh được thỏa thuận giữa doanh nghiệp và tổ chức đấu thầu, tổ chức bảo lãnh, đại lý phát hành, đại lý bán lẻ trái phiếu được bảo lãnh.

b) Đối với các ngân hàng chính sách

Phí đấu thầu và phí đại lý phát hành trái phiếu được bảo lãnh áp dụng bằng mức phí phát hành trái phiếu Chính phủ hiện hành.

2. Phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu được bảo lãnh

Đối với trái phiếu được bảo lãnh được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu được bảo lãnh bằng phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính phủ.

Điều 18. Phí cấp bảo lãnh Chính phủ

Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh phải nộp phí cấp bảo lãnh Chính phủ theo quy định của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

Điều 19. Hạch toán phí phát hành trái phiếu

1. Doanh nghiệp được hạch toán các chi phí quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư này vào giá trị của dự án sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu được bảo lãnh hoặc chi phí hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Các ngân hàng chính sách được hạch toán các chi phí quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư này vào chi phí hoạt động của các ngân hàng.

Chương V

CHẾ ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 20. Công bố thông tin trước đợt phát hành

1. Đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu được bảo lãnh

a) Ngoài việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, doanh nghiệp phát hành trái phiếu được bảo lãnh phải công bố bổ sung thông tin về trái phiếu được bảo lãnh cho các nhà đầu tư, cụ thể như sau:

- Thông tin cơ bản về chương trình, dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu được bảo lãnh (tên dự án, mục đích thực hiện dự án, tổng nguồn vốn thực hiện dự án bao gồm nguồn vốn dự kiến phát hành trái phiếu được bảo lãnh, thời gian thực hiện dự án, tiến độ thực hiện dự án, cấu phần dự án dự kiến

sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu được bảo lãnh, thời gian dự kiến phát hành trái phiếu).

- Văn bản chấp thuận bảo lãnh của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này.

- Thông tin về các đợt phát hành trái phiếu được bảo lãnh trước đó (nếu có) bao gồm: mục đích, điều kiện, điều khoản, thời gian, phương thức phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

- Cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ của chủ thể phát hành.

b) Thời gian và phương thức công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin đối với phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

2. Đối với các ngân hàng chính sách phát hành trái phiếu được bảo lãnh:

a) Trường hợp phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo phương thức đấu thầu, các ngân hàng chính sách công bố thông tin về khối lượng phát hành, kỳ hạn phát hành, ngày tổ chức đấu thầu và ngày thanh toán gốc lãi trái phiếu được bảo lãnh trên trang tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán.

b) Trường hợp phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo phương thức đại lý, thực hiện công bố thông tin theo hợp đồng ký kết giữa các ngân hàng chính sách với đại lý phát hành.

Điều 21. Công bố thông tin định kỳ

1. Đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu được bảo lãnh, trong khoảng thời gian trái phiếu được bảo lãnh còn hiệu lực, trước ngày 01 tháng 04 hàng năm, doanh nghiệp phát hành trái phiếu được bảo lãnh phải công bố thông tin cho chủ sở hữu trái phiếu được bảo lãnh đồng thời công bố thông tin trên trang điện tử của Sở giao dịch Chứng khoán. Nội dung công bố thông tin cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước. Trường hợp báo cáo tài chính của năm liền kề trước chưa được kiểm toán, doanh nghiệp công bố báo cáo tài chính đã được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phê duyệt theo mô hình tổ chức và Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp. Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo kiểm toán, doanh nghiệp phải công bố báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

- Cập nhật tình hình thực hiện chương trình, dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu được bảo lãnh (tiến độ thực hiện, tiến độ giải ngân, kế hoạch huy động vốn thực hiện dự án).

- Tình hình phát hành, thanh toán gốc, lãi và dư nợ trái phiếu được bảo lãnh của hai (02) năm liền kề trước thời điểm công bố thông tin.

2. Đối với các ngân hàng chính sách

a) Trước ngày 10 tháng 1 hàng năm, các ngân hàng chính sách có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng

khoán và trang thông tin điện tử của các ngân hàng chính sách, nội dung công bố thông tin bao gồm:

- Tóm tắt về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của các ngân hàng hai (02) năm liền kề trước thời điểm công bố thông tin (tăng trưởng tín dụng, dư nợ tín dụng).

- Khối lượng huy động vốn qua phát hành trái phiếu được bảo lãnh, tình hình thanh toán gốc, lãi và dư nợ trái phiếu được bảo lãnh của hai (02) năm liền kề.

- Văn bản thông báo của Bộ Tài chính đối với hạn mức phát hành quý I của năm phát hành.

b) Trước ngày 15 tháng 4 hàng năm, các ngân hàng chính sách có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và trang thông tin điện tử của các ngân hàng chính sách. Nội dung công bố thông tin bao gồm:

- Tóm tắt về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của ngân hàng trong năm liền kề (tăng trưởng tín dụng, dư nợ tín dụng, bảng cân đối kế toán, kết quả tài chính của ngân hàng). Trường hợp chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán, khi công bố thông tin phải nêu rõ số liệu chưa được kiểm toán. Khi có kết quả kiểm toán, các ngân hàng chính sách phải thực hiện điều chỉnh thông tin đã công bố (nếu có thay đổi).

- Dự kiến kế hoạch huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu được bảo lãnh, kế hoạch thanh toán gốc, lãi trái phiếu được bảo lãnh theo quý trong năm phát hành.

- Văn bản thông báo của Bộ Tài chính về hạn mức phát hành của cả năm.

Điều 22. Báo cáo nhanh kết quả từng đợt phát hành và việc mua lại, hoán đổi

1. Chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mỗi đợt phát hành, chủ thể phát hành phải báo cáo Bộ Tài chính chi tiết kết quả phát hành để Bộ Tài chính xác định nghĩa vụ bảo lãnh thực tế theo quy định của pháp luật. Nội dung báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này. Trường hợp phát hành trái phiếu được bảo lãnh ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phải đồng gửi báo cáo tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Trên cơ sở báo cáo của chủ thể phát hành, trong vòng mười (10) ngày làm việc, Bộ Tài chính ra thông báo xác nhận nghĩa vụ bảo lãnh đối với đợt trái phiếu được bảo lãnh đã được phát hành. Riêng đối với các ngân hàng chính sách, việc xác nhận nghĩa vụ bảo lãnh được thực hiện hàng quý.

3. Chậm nhất là mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt bổ sung, mua lại, hoán đổi trái phiếu được bảo lãnh theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, chủ thể phát hành có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện bổ sung, mua lại, hoán đổi trái

phiếu được bảo lãnh để Bộ Tài chính xác định và điều chỉnh nghĩa vụ bảo lãnh thực tế.

Điều 23. Báo cáo định kỳ quý, năm

1. Trong vòng mười (10) ngày làm việc sau khi kết thúc mỗi quý và hai mươi (20) ngày làm việc sau khi kết thúc năm tài chính, chủ thể phát hành có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình huy động, sử dụng nguồn vốn, tình hình trả nợ gốc, nợ lãi trái phiếu được bảo lãnh bằng văn bản cho Bộ Tài chính để theo dõi theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư này. Trường hợp phát hành trái phiếu được bảo lãnh ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phải đồng gửi báo cáo tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Ngoài các nội dung báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này, chủ thể phát hành có trách nhiệm gửi báo cáo cho Bộ Tài chính:

a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán sau mười (10) ngày làm việc kể từ khi có kết quả kiểm toán.

b) Tình hình tài chính đối với một số trường hợp cần thiết để đánh giá về năng lực tài chính của chủ thể phát hành theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

Chương VI

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TRƯỜNG HỢP CHỦ THỂ PHÁT HÀNH KHÔNG THANH TOÁN ĐƯỢC NỢ

Điều 24. Đình chỉ phát hành trái phiếu được bảo lãnh

1. Bộ Tài chính thực hiện đình chỉ việc phát hành trái phiếu được bảo lãnh trong các trường hợp sau:

a) Chủ thể phát hành không thực hiện phát hành theo đúng phương án phát hành trái phiếu được bảo lãnh đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và thông báo phát hành của Bộ Tài chính.

b) Lãi suất phát hành trái phiếu được bảo lãnh vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính thông báo.

c) Khối lượng phát hành trái phiếu được bảo lãnh vượt hạn mức đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Việc đình chỉ phát hành được áp dụng đối với đợt phát hành có vi phạm nêu tại Khoản 1 Điều này (nếu chưa tổ chức phát hành) và các đợt phát hành tiếp theo (nếu có) thuộc hạn mức phát hành của chủ thể phát hành đã được phê duyệt.

3. Khi nhận được thông báo của Bộ Tài chính, chủ thể phát hành phải thực hiện ngay việc đình chỉ phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

Điều 25. Xử lý trường hợp chủ thể phát hành không thanh toán được nợ

1. Chậm nhất bốn mươi lăm (45) ngày làm việc trước ngày đến hạn thanh toán gốc, lãi trái phiếu mà chủ thể phát hành không có khả năng thanh toán, chủ thể phát hành phải gửi văn bản đến Bộ Tài chính đề nghị thanh toán trả nợ thay. Văn bản của chủ thể phát hành gửi Bộ Tài chính phải giải trình rõ nguyên nhân không thanh toán được nợ và gửi kèm theo các tài liệu chứng minh bao gồm:

a) Báo cáo tài chính kèm thuyết minh chi tiết.

b) Bảng sao kê các tài khoản tiền gửi, tiền mặt của chủ thể phát hành, các khoản nợ phải thanh toán, các khoản phải thu.

c) Văn bản xác nhận của chủ sở hữu về khả năng không trả được nợ của chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh là doanh nghiệp.

d) Các tài liệu khác theo yêu cầu báo cáo của Bộ Tài chính.

2. Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và văn bản xác nhận không trả được nợ của chủ sở hữu (trường hợp chủ thể phát hành là doanh nghiệp), Bộ Tài chính xem xét và xử lý trường hợp chủ thể phát hành không thanh toán được nợ theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 15/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Chủ thể phát hành có trách nhiệm nhận nợ và thanh toán lại cho Bộ Tài chính theo quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 15/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 26. Trách nhiệm của chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh

1. Xây dựng đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong đề án phát hành và công bố cho các nhà đầu tư.

2. Tổ chức phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo đúng đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các hướng dẫn của Bộ Tài chính theo quy định tại Thông tư này.

3. Chịu trách nhiệm toàn bộ trong quá trình phát hành và sử dụng vốn phát hành trái phiếu được bảo lãnh đúng mục đích theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp bảo lãnh theo quy định tại Thông tư này.

4. Chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ toàn bộ nợ lãi, nợ gốc trái phiếu được bảo lãnh khi đến hạn.

5. Thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin, chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác của người được bảo lãnh theo quy định tại Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, Nghị định số 15/2011/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư này và các quy định pháp luật hiện hành về quản lý vay, trả nợ nước ngoài.

Điều 27. Trách nhiệm của chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước

1. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

2. Giám sát quá trình huy động, sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu doanh nghiệp được bảo lãnh theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2015 và thay thế Thông tư số 34/2012/TT-BTC ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và Thông tư số 167/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 34/2012/TT-BTC.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức phát hành và các đơn vị có liên quan báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét có hướng dẫn cụ thể.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương & các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ, BTC;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ TCNH. 350



Phụ lục 1
Văn bản đề nghị xem xét phương án phát hành trái phiếu
được Chính phủ bảo lãnh

(Ban hành kèm Thông tư số 99/2015/TT-BTC ngày 29/07/2015 của Bộ Tài chính)

**(TÊN TỔ CHỨC
PHÁT HÀNH)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày..... tháng..... năm.....

V/v: đề nghị xem xét
phương án phát hành trái
phiếu được Chính phủ
bảo lãnh

Kính gửi: Bộ Tài chính

- Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương;
- Căn cứ Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 99/2015/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, **(Tên tổ chức phát hành)** đề nghị Bộ Tài chính xem xét, chấp thuận cho **(Tên tổ chức phát hành)** được huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh tại thị trường trong nước/nước ngoài năm để đầu tư vào các chương trình/dự án trong đề án phát hành với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. Điều kiện phát hành

(Tên tổ chức phát hành) nhận thấy **(Tên tổ chức phát hành)** đủ điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Thông tư số 99/2015/TT-BTC, cụ thể như sau:

II. Dự kiến phương án phát hành

1. Tên tổ chức phát hành
 2. Tên trái phiếu
 3. Khối lượng phát hành dự kiến
 4. Mục đích phát hành
 5. Điều kiện, điều khoản dự kiến của trái phiếu được bảo lãnh:
- Kỳ hạn trái phiếu dự kiến

- Lãi suất phát hành dự kiến
- Mệnh giá trái phiếu dự kiến
- Đồng tiền phát hành
- Đồng tiền thanh toán
- Hình thức phát hành dự kiến

6. Thị trường phát hành dự kiến

7. Thời gian dự kiến phát hành trái phiếu

(Tên tổ chức phát hành) xin gửi kèm theo công văn này Đề án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt và các văn bản bao gồm: (liệt kê các văn bản gửi kèm theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Thông tư này).

Chúng tôi xin cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của toàn bộ hồ sơ kèm theo phương án phát hành trái phiếu

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến đề án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2

Mẫu báo cáo nhanh kết quả từng đợt phát hành trái phiếu

(Ban hành kèm Thông tư số 99/2015/TT-BTC ngày 29/06/2015 của Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

BÁO CÁO NHANH KẾT QUẢ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐỢT ...NĂM

STT	Kỳ hạn	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Ngày đến hạn	Phương thức phát hành	Phát hành lần đầu/Phát hành bổ sung	Kết quả phát hành		
							Khối lượng đạt được		Lãi suất phát hành
							Số tiền (tỷ đồng)	% so với khối lượng dự kiến phát hành	Lãi suất (%/năm)
1									
2									

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3

Mẫu 1: Mẫu báo cáo định kỳ Quý/Năm về tình hình huy động và trả nợ gốc, lãi trái phiếu
(áp dụng cho các Ngân hàng Chính sách phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh)
(Ban hành kèm Thông tư số 99/2015/TT-BTC ngày 29/06/2015 của Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:
BÁO CÁO ĐỊNH KỲ QUÝ.../NĂM VỀ TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VÀ TRẢ NỢ GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU

STT	Nội dung báo cáo	Tổng
I	Tình hình phát hành trái phiếu trong kỳ	
	Tổng số phát hành trong kỳ:....., trong đó: - Kỳ hạn 2 năm: - Kỳ hạn 3 năm: - Kỳ hạn 5 năm: - Kỳ hạn 10 năm: - Kỳ hạn khác:	
II	Tình hình dư nợ trái phiếu	
1	Dư nợ đầu kỳ	
2	Phát hành trong kỳ	
3	Thanh toán nợ gốc lãi trái phiếu đến hạn trong kỳ	
	- Gốc	
	- Lãi	
4	Dư nợ cuối kỳ	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ

CHỨC PHÁT HÀNH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3

Mẫu 2: Mẫu báo cáo định kỳ Quý/Năm về tình hình huy động, sử dụng vốn và trả nợ gốc, lãi trái phiếu
(áp dụng cho các doanh nghiệp phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh)
(Ban hành kèm Thông tư số 99/2015/TT-BTC ngày 29/06/2015 của Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ QUÝ...NĂM ...VỀ TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU

STT	Nội dung báo cáo	Tổng
I	Tình hình phát hành trái phiếu trong kỳ	
	Tổng số phát hành trong kỳ:....., trong đó:	
	- Kỳ hạn 2 năm:	
	- Kỳ hạn 3 năm:	
	- Kỳ hạn 5 năm:	
	- Kỳ hạn 10 năm:	
	- Kỳ hạn khác	
II	Tình hình dư nợ	
1	Dư nợ đầu kỳ	
2	Phát hành trong kỳ	
3	Tổng khối lượng vốn huy động đã sử dụng (*)	
4	Thanh toán nợ gốc lãi trái phiếu đến hạn trong kỳ	
	- Gốc	
	- Lãi	
5	Dư nợ cuối kỳ	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LƯẬT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (*): Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có thể báo cáo chung tình hình sử dụng nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cho các kỳ hạn hoặc các đợt phát hành khác nhau. Doanh nghiệp đảm bảo sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu hiệu quả, đúng mục đích theo quy định tại Điều 21 Nghị định 01/2011/NĐ-CP ngày 5/1/2011.